ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP LÝ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1189 /QĐ-UBND	*Hợp Lý, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND xã Hợp Lý về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa);

Căn cứ Văn bản số 96/TB-PKT ngày 29/7/2026 của Phòng Kinh tế về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo KTKT công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa);

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án tại Tờ trình số 118/TTr-BQLDA ngày 30/7/2026 về việc phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Lý; tuyến từ Ngã ba gần trường Mầm non Ngọc Mỹ đến Ba Làng (xã Thái Hòa).

Scanned with CamScanner

2. Loại, cấp, nhóm dự án: Công trình giao thông - cấp IV, dự án nhóm C.

3. Mã định danh công trình: Chưa thực hiện.

4. Địa điểm xây dựng: xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Hợp Lý.

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án xã Hợp Lý.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Tấn Đạt

8. Mục tiêu dự án:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường nhằm đảm bảo an toàn giao thông, nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường, đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Cải tạo, nâng cấp tuyến đường có chiều dài 937,38m, quy mô giải pháp như sau:

- Nền, mặt đường:

+ Chiều rộng mặt đường sau cải tạo, nâng cấp rộng 5,5m, lề đường rộng 2x0.75m.

+ Đối với vị trí thông thường kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: BTN C12.5 dày 5cm; Lớp dính bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 0.5kg/m^2; BTN C19 dày 7cm; Lớp thấm bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 1.0kg/m^2; Bù vênh mặt đường cũ bằng BTN C19; Mặt đường cũ.

+ Các vị trí nền đường hư hỏng nặng thiết kế xử lý lại nền đường, sau đó thảm mặt đường bê tông nhựa, kết cấu từ trên xuống như sau: BTN C12.5 dày 5cm; Lớp dính bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 0.5kg/ m^2; BTN C19 dày 7cm; Lớp thấm bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 1.0kg/ m^2; Lớp CPĐD lớp trên dày 15cm; Lớp CPĐD lớp dưới dày 30cm; Lớp đất đắp K98 dày 50cm; Nền đường hiện trạng.

+ Các vị trí mặt đường ít hư hỏng, giữ nguyên hiện trạng mặt đường, thiết kế cạp mở rộng mặt đường đồng bộ rộng 5,5m và một số vị trí tiếp giáp giữa mặt đường và rãnh thoát nước dọc, kết cấu vị trí cạp mở rộng như sau: BTN C12.5 dày 5cm; Lớp dính bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 0.5kg/m^2; BTN C19 dày 7cm; Lớp thấm bám nhũ tương gốc axit hàm lượng nhũ tương 1.0kg/m^2; Lớp BTXM cạp mở rộng M250 dày 20cm; Lớp CPĐD dày 18cm.

- Thoát nước ngang: Trên tuyến thiết kế làm lại 01 cống thoát nước ngang tại lý trình cọc 31=C Km0+486.47m. Cống thiết kế cống tròn D75cm. Móng cống BTXM M200# trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Đầu cống thượng lưu thiết kế hố thu nước BTXM M200# đạy tấm đan BTCT M250# KT 140x70x15cm. Đầu cống hạ lưu thiết kế đấu nối trực tiếp vào rãnh xây hiện trạng.

Scanned with CamScanner

- Thoát nước dọc:

+ Đoạn rãnh dọc đã có tận dụng giữ lại. Thiết kế nâng thành rãnh phù hợp với cao độ mặt đường sau khi thảm, thay thế một số tấm đan rãnh bị hư hỏng.

+ Thiết kế xây mới bổ sung 642,5m rãnh thoát nước dọc B50 trên tuyến: Rãnh xây gạch đặc VXM M75#, đáy rãnh BTXM M150# đá 1x2. Mũ tường rãnh đổ BTXM M200# đá 1x2. Rãnh đạy tấm đan BTCT M250# kích thước 100x70x15cm.

- An toàn giao thông: Thiết kế sơn tim đường và gờ giảm tốc phù hợp, đồng bộ công trình.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07: 2023/BXD;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCCS 41:2022/TCĐBVN Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ôtô trên nền đất yếu;

- TCVN 4054-2005: Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn TCVN 10380 - 2014.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- TCVN 9113:2012: Cống tròn ống cống bê tông cốt thép thoát nước;

- TCVN 7957-2023: Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5575:2024. Kết cấu thép Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2025 Kết cấu khối xây – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13567:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu;

- Định mức dự toán XDCB do bộ xây dựng và các văn bản hướng dẫn;

- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định có liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Hạng mục	Giá trị
	Tổng giá trị	**10.003.610.000**
1	Chi phí xây dựng	8.145.784.000
2	Chi phí QLDA	246.329.000

Scanned with CamScanner

3	Chi phí tư vấn ĐTXD	641.059.000
4	Chi phí khác	110.600.000
5	Chi phí dự phòng	859.838.000

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định.

15. Phương án sơ bộ GPMB: Dự án không phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB về đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức, thực hiện thi công công trình theo tiến độ được duyệt.

- Quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định (Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026), đảm bảo các điều kiện cần thiết để việc đầu tư dự án đạt hiệu quả tối đa.

2. Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện dự án của Chủ đầu tư, các đơn vị liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban quản lý dự án xã; Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT ĐU, HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- CPVP HĐND & UBND xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hòa

Scanned with CamScanner